

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 23-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh ngày 02/9/1976; địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị T, trình bày: Ông Lê Văn T1 có vay tiền của bà nhiều lần, không nhớ mỗi lần bao nhiêu, không làm biên nhận, lãi suất không rõ, nhưng đến ngày 23/02/2022, hai bên gặp nhau chốt lại số tiền ông T1 còn nợ bà 224.000.000 đồng, biên nhận này do bà viết tại quán cà phê của ông T1 thuê, còn chữ ký và dấu lăn tay là của ông T1. Đến ngày 26/8/2022, ông T1 tiếp tục vay tiền, nhờ bà đóng tiền nền nhà 57.747.000 đồng, với lời hứa khi làm giấy tờ đất

sẽ giao cho bà giữ để bán đất thì sẽ trả dứt nợ cho bà 281.747.000 đồng. Từ đó đến nay, ông T1 không thực hiện việc trả nợ mặc dù bà đã nhiều lần gặp ông T1 để đòi nợ. Bà yêu cầu ông T1 trả cho bà tổng số tiền vay còn nợ là 336.278.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 281.747.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21/11/2023 là 54.531.000 đồng (số tiền 224.000.000 đồng x 24 tháng (từ tháng 02/2022 – 02/2024) x 0,85%/tháng = 45.696.000 đồng); số tiền 57.747.000 x 18 tháng (từ tháng 8/2022 – 11/2023) x 0,85%/tháng = 8.835.000 đồng). Tại phiên tòa, bà chỉ yêu cầu ông T1 trả cho bà số tiền gốc 281.747.000 đồng.

Bị đơn, ông Lê Văn T1 đã được đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng ông T1 vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 BLTTDS để thu thập thêm tài liệu chứng cứ đối với khoản vay nộp tiền nền nhà 57.747.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho ông T1 là bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T1 không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn là bà T đưa ra nên bà T không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS. Do đó, không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T1 trả số tiền gốc, không yêu cầu tiền lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của BLTTDS.

[5] Xét việc bà T yêu cầu ông T1 trả số tiền vay còn nợ gốc 281.747.000 đồng, là có căn cứ để chấp nhận, vì: Ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...” và Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó, buộc ông T1 phải trả lại cho bà T số tiền vay còn nợ 281.747.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định. Ông T1 phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà T là 14.087.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 8.245.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 144, 147 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

Buộc ông Lê Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền vay còn nợ là 281.747.000 (Hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Lê Văn T1 phải chịu 14.087.000 (Mười bốn triệu không trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

3.2. Trả lại cho bà Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.245.000 đồng theo Biên lai số 0004567 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2024) ; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú